

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HSST
Ngày 03/8/2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiền

Thẩm phán: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Kim Oanh, bà Vũ Ngọc Lan, ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thúy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2018, tại Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2017/TLHS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Ma Thị L, sinh năm 1979 tại tỉnh Thái Nguyên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ X, phường KH, quận HĐ, thành phố Hà Nội; nơi ở tại số nhà Y, tòa nhà B, số 18 PH, phường MĐ 2, quận NTL, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp kinh doanh; trình độ văn hóa lớp 12; dân tộc Tày; giới tính Nữ; không theo tôn giáo nào; quốc tịch Việt Nam; con ông Ma Doãn T và bà Lê Thị C; có chồng là Lê An Tr (chồng trước là Lương Xuân V đã ly hôn) và 01 con; không tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến ngày 19/12/2017, nay tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ma Thị L (do bị cáo nhờ): Luật sư Nguyễn Văn C1 và luật sư Dương Văn N, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn thực hành luật Nguyễn C1 thuộc Đoàn luật sư Hà Nội, đều có mặt.

Bị hại:

- Bà Mạch Thị N1, sinh năm 1978; trú tại thôn CL, xã QK, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Dương Thị A, sinh năm 1976; trú tại thôn PC, xã TG, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Triệu Đức K, sinh năm 1975; trú tại thôn NV, xã YD, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi liên quan đến vụ án: Lê An Tr, sinh năm 1974; nơi cư trú tại số 18 PH, phường MĐ 2, quận NTL, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9/2015 Ma Thị L lúc đó đang cư trú tại tổ Y, phường GS, thành phố TN có quen biết bà Mạch Thị N1, sinh năm 1978; trú tại thôn CL, xã QK, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khi biết bà N1 có nguyện vọng muốn cho con gái là Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 2000 vào học trường Văn hóa I Bộ Công an nên L đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà N1. Để thực hiện ý định, L nói dối bà N1 là L có nhiều người quen làm ở Bộ Công an nên L có khả năng xin cho cháu L1 vào học trường Văn hóa I Bộ Công an. L nói giá xin vào học là 600.000.000đ, giao trước 300.000.000đ, sau khi được đi học sẽ giao hết số tiền còn lại, bà N1 tin tưởng L nên đã đồng ý. Trong các ngày 30/10/2015 và 23/11/2015 bà N1 đã giao cho L tổng số tiền là 300.000.000đ để xin cho con gái là Nguyễn Thị Thùy L1 vào học tại trường Văn hóa I Bộ Công an.

Sau khi được bà N1 tin tưởng, L bảo bà N1 là L còn xin thêm được 02 xuất bổ sung nữa và bảo bà N1 là xem có ai có con muốn đi học thì giới thiệu để L xin cho. Bà N1 đã giới thiệu cho bà Dương Thị A, sinh năm 1976; trú tại thôn PC, xã TG, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn và ông Triệu Đức K, sinh năm 1975; trú tại thôn NV, xã YD, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn biết khả năng của L. Sau khi được bà N1 giới thiệu thì bà A và ông K đã đến thành phố TN gặp L và được L đưa ra những thông tin nói dối như đã nói với bà N1. Bà A và ông K tin tưởng L có thể xin cho con mình được đi học nên từ ngày 10/11/2015 đến đầu năm 2016 bà A đã giao cho L nhiều lần tổng số tiền là 470.000.000đ để nhờ xin cho con trai là Ma Thế N2 sinh năm 2000, còn ông K đã giao cho L tổng số tiền là 400.000.000đ để xin cho con trai là Triệu Đức L1 sinh năm 2000 vào học trường Văn hóa I Bộ Công an.

Khi nhận tiền của của bà N1, bà A, ông K thì L đều viết biên nhận; tổng số tiền L nhận của ba người là 1.170.000.000đ, L không chuyển cho ai để xin học mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết.

Trước khi vụ án bị khởi tố, Ma Thị L đã trả lại cho bà N1, bà A, ông K được tổng số tiền là 315.000.000đ. Trong giai đoạn điều tra, L và gia đình đã nộp tại Cơ quan điều tra tiếp 885.000.000đ và Cơ quan điều tra đã trả lại số tiền trên cho bà N1, bà A, ông K.

Tại bản cáo trạng số 01/KSĐT ngày 22/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố Ma Thị L về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Ma Thị L cũng khai nhận toàn bộ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ba người bị hại như nêu trên. Bị cáo nhận tội như cáo trạng đã quy kết, chỉ xin được hưởng mức án thấp nhất ở lời nói sau cùng.

Các bị hại bà Mạch Thị N1, bà Dương Thị A, ông Triệu Đức K vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra đều xác nhận đã được Cơ quan điều tra trả lại đủ số tiền mà L chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm và đề nghị xử lý bị cáo L theo quy định của pháp luật.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị xử phạt Ma Thị L mức án từ 10 đến 11 năm tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trong luận cứ của mình nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát truy tố không tranh luận gì thêm, chỉ tranh luận về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ mà đại diện Viện kiểm sát kết luận và đề nghị. Cụ thể luật sư cho rằng bị cáo không chỉ đã bồi thường hết số tiền chiếm đoạt mà thời điểm bồi thường là rất sớm, trước khi khởi tố đã khắc phục một phần, sau khi khởi tố đã khắc phục hết cho người bị hại; trong vụ án này bị hại có lỗi thực hiện hành vi trái pháp luật, có ý chạy chọt cho con đi học; hiện tại bị cáo đang mang thai; bị cáo có nhân thân tốt. Từ đó luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án dưới mức khởi điểm hoặc ở mức khởi điểm của khoản 3 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay về nội dung cơ bản là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và nhiều tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Theo đó có đủ căn cứ kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của người khác từ trước, bằng thủ đoạn gian dối thông qua hình thức xin cho một số con em miền núi vào trường Văn hóa I Bộ Công an học; trong khoảng thời gian từ tháng 9 năm 2015 đến đầu năm 2016, Ma Thị L đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt của bà Mạch Thị N1 300.000.000đ, của bà Dương Thị A 470.000.000đ, của ông Triệu Đức K 400.000.000đ, tổng số tiền Ma Thị L chiếm đoạt của ba người trên là 1.170.000.000đ. Do đó, bị cáo L bị truy tố về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 139 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử lý hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...

4. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm hoặc tù chung thân:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên.

[2] Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người bị hại và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó việc xử lý nghiêm đối với bị cáo là cần thiết.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Trước khi phạm tội bị cáo chưa có tiền án tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn. Trước khi bị khởi tố và trong giai đoạn điều tra, bị cáo cùng gia đình đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho ba người bị hại. Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo các quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và không có tình tiết tăng nặng.

Xét trong trường hợp cụ thể này, Hội đồng xét xử thấy có thể áp dụng các quy định của Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 để xử phạt bị cáo mức án 08 năm tù là tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí, bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Với phân tích và nhận định trên thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bào chữa được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Ma Thị L phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Ma Thị L 08 (tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/10/2017 đến ngày 19/12/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Ma Thị L đã hoàn trả xong số tiền chiếm đoạt cho ba người bị hại.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Ma Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan THA hình sự;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Bị hại (theo địa chỉ);
- Người có QLNV liên quan (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lương Văn Hiến